

Số 02-2018 (14)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✿ Xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp Lâm Đồng
- ✿ Đánh giá mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- ✿ Doanh nghiệp phải tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang EU từ năm 2019
- ✿ Dâu tây hữu cơ - Nâng cao giá trị nông sản đặc sản Đà Lạt bằng khoa học kỹ thuật



✦ Xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp Lâm Đồng
✦ Đánh giá mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
✦ Doanh nghiệp phải tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang EU từ năm 2019
✦ Dâu tây hữu cơ - Nâng cao giá trị nông sản đặc sản Đà Lạt bằng khoa học kỹ thuật

TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập

Đỗ Minh Ngọc

Ngô Huy Đông

Huyền Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Phạm Thị Nhâm

Trình bày:

**Trung tâm Thông tin
và Thống kê KH&CN**

Ảnh bìa:

**Vườn Dâu công nghệ cao
Gaubu Strawberry Đà Lạt**

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- Nguyễn Đình Thảo** - Xây dựng Chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp Lâm Đồng
- Hồ Quang Thanh** - Đánh giá mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- Bổ sung quy định bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- Hỗ trợ doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ
- Yêu cầu chung xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- Triển khai hoạt động “Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ quốc tế” năm 2018
- Văn Việt** - Kiểm soát rau, hoa, cà phê Arabica gắn nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”
- Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- Công nghệ mới, sản phẩm mới

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- Nguyễn Nghĩa, Phước An** - Mở cửa xuất khẩu hoa Đà Lạt
- Quản lý tài sản hình thành từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Đặng Trung Tuyên** - Dâu tây hữu cơ - Nâng cao giá trị nông sản đặc sản Đà Lạt bằng khoa học kỹ thuật

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- Uyên Hương** - Doanh nghiệp phải tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang EU từ năm 2019
- Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao
- Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm Hồng mang Nhãn hiệu chứng nhận “Hồng Đà Lạt”



XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

NGUYỄN ĐÌNH THẢO

Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước là xu thế tất yếu, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. Chính quyền điện tử cho phép người dân tương tác, cung cấp các dịch vụ hành chính công liên tục, tăng tính minh bạch, giảm chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Chính quyền, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Để khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước một cách hiệu quả, bên cạnh sự triển khai đồng bộ giữa các cấp, ngành, trong quá trình thực hiện cần sự chỉ đạo thống nhất, kết hợp nhiều yếu tố như năng lực thực hiện, xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp khai thác ứng dụng công nghệ thông tin của Chính quyền... Ngày 29/12/2017, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2853/QĐ-UBND phê duyệt *Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 1.0* nhằm thực hiện các mục tiêu cụ thể sau:

Thứ nhất, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

- Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin, hoàn thiện mạng diện rộng của tỉnh để sẵn sàng tham gia Chính phủ điện tử. Đến năm 2020, 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã có mạng nội bộ, kết nối Internet tốc độ cao.

- Ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ nhằm tăng năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, ngành. Các hoạt động trao đổi và tác nghiệp tại các cơ quan, đơn vị được tin học hóa và thực hiện trên môi trường mạng. Đến năm 2020, 100% các đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng; tỷ lệ hồ sơ, dữ liệu được số hóa đạt 100%; tỷ lệ trao đổi thông tin tác nghiệp trên môi trường mạng đạt 100%; 80% các cuộc họp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh với các huyện, thành phố và các đơn vị cấp xã được thực hiện trên môi trường mạng.

- Xây dựng các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại. Ứng dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung, chương trình hỗ trợ

Lộ trình triển khai thực hiện Chính quyền điện tử phiên bản 1.0 gồm 2 giai đoạn: 2018-2019 và 2019-2020 với tổng kinh phí 276,5 tỷ đồng. Theo đó, Chính quyền điện tử phiên bản 1.0 sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ: xây dựng hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, huyện, xã; tạo lập môi trường điện tử để người dân giám sát và góp ý về hoạt động của chính quyền các cấp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, kết hợp Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 điện tử.

quản lý và điều hành tác nghiệp. 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã ứng dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng, quản lý công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ hai, về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đẩy mạnh triển khai hệ thống một cửa điện tử tại các cơ quan nhà nước cấp sở, huyện, xã. Đến năm 2020, 100% đơn vị cấp sở, huyện và trên 80% UBND cấp xã triển khai phần mềm một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện việc cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 và 4, trong đó 100% các dịch vụ công trực tuyến cơ bản được triển khai ở mức độ 3, 30% ở mức độ 4. Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc lên Cổng thông tin một cửa điện tử của tỉnh và hệ thống một cửa điện tử quốc gia.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp. Đến năm 2020, trên 80% doanh nghiệp có website, thực hiện giao dịch thương mại, hải quan và nộp thuế điện tử.

- Cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin, cơ chế, chính sách của cơ quan nhà nước và UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.



Ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính một cửa

Nhiệm vụ, giải pháp

Để hoàn thành các mục tiêu trên, trong thời gian tới, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh cần đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Xây dựng hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, huyện, xã. Tạo lập môi trường điện tử để người dân giám sát, góp ý về hoạt động của chính quyền các cấp. Phát triển Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, tích hợp dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã để giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 điện tử. Nâng cao chất lượng hạ tầng viễn thông, bảo đảm chất lượng đường truyền; tăng cường an toàn, an ninh thông tin.

Về ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Từng bước triển khai các dịch vụ chia sẻ và tích hợp để kết nối các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố. Thực hiện giải pháp liên thông văn bản điện tử giữa các sở, ban, ngành, đơn vị cấp huyện, xã với UBND tỉnh và Chính phủ.

- Đầu tư trang thiết bị, phần mềm triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành cấp xã. Nâng cấp, mở rộng phần mềm dùng chung toàn tỉnh gồm: hệ thống thư điện tử công vụ, quản lý văn bản, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, hệ thống một cửa điện tử.

- Xây dựng, mở rộng các phần mềm chuyên ngành có hiệu quả cao, phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp. Xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh,



Hoạt động tại Bộ phận một cửa Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng

đặc biệt là các cơ sở dữ liệu về dân cư, doanh nghiệp, tài nguyên môi trường và thống kê phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tích hợp với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương, đáp ứng yêu cầu cập nhật, tra cứu, khai thác thông tin nhanh chóng, thuận lợi.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp, mở rộng hệ thống phòng họp trực tuyến từ tỉnh đến các huyện đảm bảo sự điều hành, chỉ đạo của tỉnh. Tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước. Chuẩn hóa các quy trình hành chính, quy trình nghiệp vụ và nội dung thông tin.

Về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001. Nâng cấp, chuẩn hóa nội dung trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả việc cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 và 4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực: giải quyết việc làm, giáo dục - đào tạo, y tế, vùng nông thôn và ngành dịch vụ thuế, ngân hàng, hải quan, thương mại, du lịch... phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong thời gian tới, với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND các cấp sẽ phát huy tối đa tinh thần, trách nhiệm để tổ chức triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nhằm đưa Lâm Đồng sớm trở thành Chính quyền điện tử đồng bộ, thông suốt, hiện đại, đáp ứng công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhanh chóng và bền vững. ■



ĐÁNH GIÁ MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG HÀI HÒA, ỔN ĐỊNH VÀ TIẾN BỘ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

HỒ QUANG THANH

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng

Nghiên cứu, đánh giá mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ nhằm xây dựng và khẳng định các yếu tố tác động đến mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng dựa trên cơ sở lý thuyết mô tả công việc (Job Descriptive Index - JDI) của Smith, Kendall & Hulin (1969) và được kiểm định bằng mô hình phương trình cấu trúc (Structural Equation Modelling - SEM). Kết quả phân tích dữ liệu từ 383 lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn Lâm Đồng cho thấy có 5 yếu tố quan trọng, có ý nghĩa thống kê và giá trị thực tiễn tác động đến sự thỏa mãn và mối quan hệ lao động tốt tại doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng, đó là: (1) Công việc làm, (2) Đào tạo và phát triển nghề nghiệp, (3) Vai trò và hình ảnh của lãnh đạo, (4) Đồng nghiệp, (5) Thu nhập. Mô hình nghiên cứu giải thích khoảng 64% mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

Nghiên cứu xuất phát từ mục đích xây dựng giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị, mỗi công nhân và toàn xã hội.

Ngày 04/3/2015, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 954/KH-UBND về việc thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Kết luận số 96-KL/TW ngày 07/4/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 ở Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020.

Trên thế giới có nhiều nghiên cứu về sự hài lòng trong công việc của người lao động, điển hình như: sự hài lòng của người lao động đối với công việc (Hoppock, 1935); khảo sát sự hài lòng của nhân viên trong công việc của Học viện Quan hệ Lao động New York (Labor Relation Institute of New York, "Survey: Foreman Facts", 1946); các nghiên cứu tương tự được lặp lại nhiều lần trong hơn 60 năm qua với kết quả tương tự (được tiến hành bởi các tác giả: Ken Kovach (1980); Valerie Wilson, Achievers International (1988); Bob Nelson, Blanchard Training & Development (1991); Sheryl & Don Grimme GHR Training Solutions (1997-2001)) khảo sát những mong muốn của nhân viên trong công việc của họ (Halvorson, 2013).

Do đó, nghiên cứu này nhằm xây dựng và khẳng định các thành phần, yếu tố tác động đến mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng để đánh giá kết quả sau 3 năm (2015-2018) thực hiện Kế hoạch số

954/KH-UBND. Từ đó, có những khuyến nghị về giải pháp, góp phần tăng cường mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020 và thời kỳ tiếp theo.

1. Lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

1.1. Cơ sở lý thuyết

Trên thế giới có khá nhiều nghiên cứu về lý thuyết và thực tiễn đối với sự hài lòng trong công việc của người lao động. Các học thuyết tạo động lực trong lao động nhằm xây dựng, nâng cao động cơ làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất lao động và thành công cho tổ chức, như: Học thuyết nhu cầu (Maslow, 1943); Học thuyết kỳ vọng (Vroom, 1964); Học thuyết công bằng (Adams, 1963); Học thuyết hai yếu tố (Herzberg, 1968) và đặc biệt lý thuyết về mô tả công việc (*Job Descriptive Index - JDI*) của Smith, Kendall & Hulin (1969) có giá trị và độ tin cậy được đánh giá rất cao về lý thuyết lẫn thực tiễn; sở hữu các nội dung tốt, các khái niệm có cơ sở và đáng tin cậy, trên 50% các bài nghiên cứu được xuất bản đã sử dụng JDI (Mayer, Davis & Schoorman, 1995). Đồng thời, JDI được xem là công cụ nên lựa chọn để đo lường, đánh giá mức độ hài lòng trong công việc cùng với các nội dung bổ sung của các tác giả khác (Price, 1997).

Lý thuyết về mô hình JDI được sử dụng kết hợp với các nghiên cứu tại Việt Nam, điển hình là của Trần Kim Dung (2005) về đo lường mức độ thỏa mãn đối với công việc trong điều kiện của Việt Nam, với 5 thành phần/khái niệm có tác động tích cực trực tiếp đến sự hài lòng trong công việc là: bản chất công việc - CV; cơ hội đào tạo và thăng tiến - DT; lãnh đạo - LD; đồng nghiệp - DN; thu nhập - TN.



1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết JDI và Trần Kim Dung (2005), các giả thuyết nghiên cứu đã giải thích nguyên nhân người lao động trong doanh nghiệp hài lòng với công việc của họ, qua đó tác động đến mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ với giả thuyết được đề nghị như mô hình đo lường mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã được đề xuất (hình 1). Đây là mô hình quan hệ nhân - quả với lý thuyết khoa học xây dựng theo quy trình suy diễn để khám phá, kiểm tra, đánh giá các mối quan hệ về sự hài lòng trong công việc của người lao động; qua đó tác động đến mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

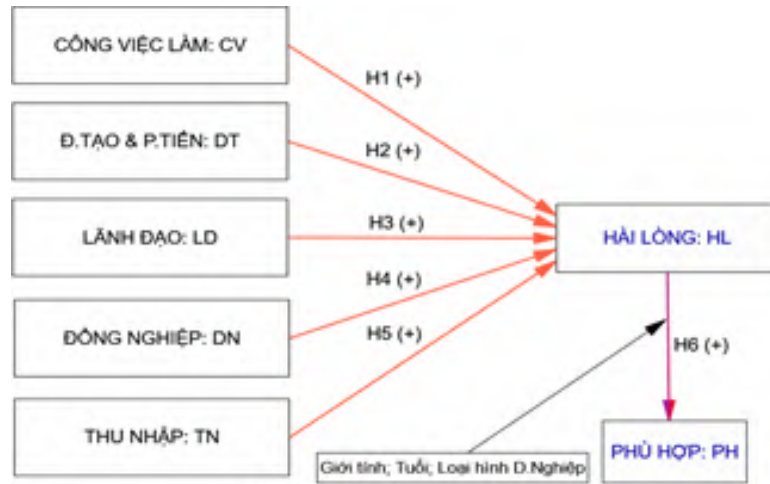
Mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 5 cấu trúc nguyên nhân (H₁-H₅): CV, DT, LD, DN, TN; 2 cấu trúc kiểm soát mô tả là sự thỏa mãn hài lòng - HL, biến mục tiêu là mối quan hệ lao động phù hợp - PH (H₆).

2. Khảo sát dữ liệu

Các biến quan sát được xây dựng dựa trên nền tảng lý thuyết JDI; tham khảo thành phần, khái niệm, thang đo được sử dụng tại Việt Nam (Trần Kim Dung, 2005). Các biến quan sát này được hiệu chỉnh cho phù hợp với nghiên cứu tại Lâm Đồng thông qua việc phỏng vấn thử để đảm bảo người lao động hiểu đúng ý nghĩa của các câu hỏi đưa ra. Thang đo các khái niệm nghiên cứu trong mô hình là thang đo đa biến, mỗi biến đo lường là biến liên tục, dạng Likert, từ 1 (rất không đồng ý) đến 7 (rất đồng ý).

Các nhân tố được đánh giá thông qua các biến quan sát cụ thể như sau:

- Thang đo đánh giá về hài lòng chung gồm 5 thành phần: CV, DT, LD, DN, TN;
- Thang đo thành phần công việc như mức độ phù hợp với tay nghề, kỹ năng được đào tạo; hiểu rõ về công việc đang làm và được khuyến khích sáng tạo trong công việc được đo lường bởi 3 biến quan sát: CV₁, CV₂, CV₃;
- Thang đo thành phần về đào tạo và phát triển gồm: cơ hội được đào tạo, phát triển năng lực và cơ hội thăng tiến với 3 biến quan sát: DT₁, DT₂, DT₃;
- Thang đo thành phần về vai trò người lãnh đạo được thể hiện bởi sự quan tâm, hỗ trợ, công bằng và có năng lực với 3 biến quan sát: LD₁, LD₂, LD₃;
- Thang đo thành phần đồng nghiệp là sự hỗ trợ, phối hợp, thân thiện và đáng tin cậy được quan sát bằng 3 biến: DN₁, DN₂, DN₃;
- Thang đo thành phần thu nhập là tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm, phụ cấp được quan sát bởi 3 biến: TN₁, TN₂, TN₃;



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

- Thang đo thành phần hài lòng chung về công việc (HL) là sự hài lòng, thoả mãn, yêu thích và gắn bó lâu dài được đo lường bằng 3 biến quan sát: HL₁, HL₂, HL₃;

- Thang đo thành phần mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp (PH) được quan sát bởi 3 biến: sự hài hoà, ổn định và phát triển trong doanh nghiệp: PH₁, PH₂, PH₃.

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn bằng bảng câu hỏi lấy mẫu ngẫu nhiên đối với người lao động làm việc tại doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng theo xác suất tương ứng với các loại hình doanh nghiệp: dân doanh; cổ phần và nhà nước. Thời gian thực hiện: quý 2/2018.

Đây là cuộc khảo sát kiểm chứng thực nghiệm, dữ liệu chủ yếu sử dụng để phân tích tính khả thi trong việc đánh giá về sự hài lòng của người lao động tác động đến mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Do đó, không trình bày cụ thể và hiển thị các giá trị nghiên cứu.

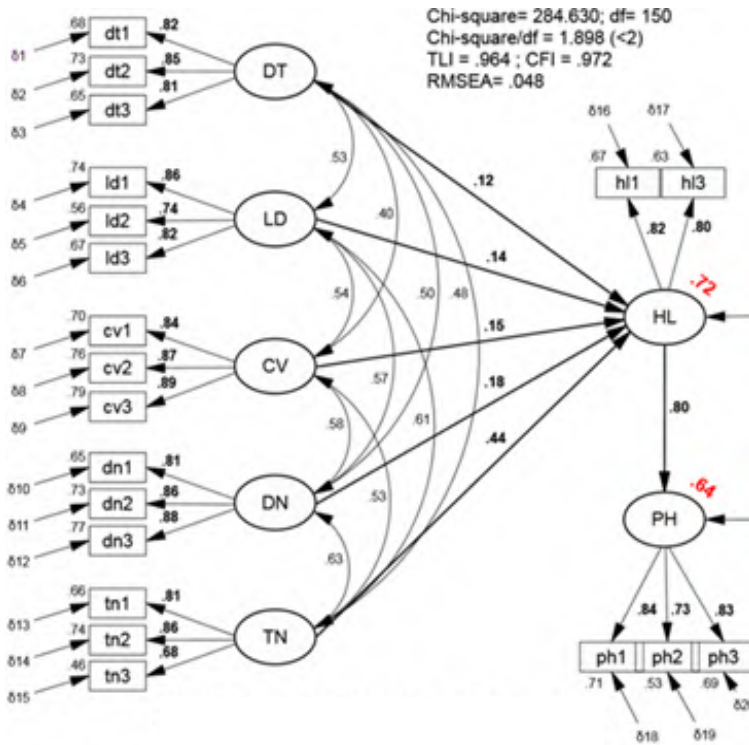
3. Kết quả và phân tích

Kết quả khảo sát, thống kê chứng minh rằng hầu hết người được phỏng vấn hiểu rõ các câu hỏi và đánh giá rõ ràng, trả lời hợp lý; các chỉ số thống kê cụ thể, phù hợp và có ý nghĩa.

Kết quả bằng chứng thực nghiệm cho biết về các thành phần: DT, LD, CV, DN, TN đã tác động trực tiếp đến HL; qua đó tác động đến mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp (PH) đã được phát hiện trong nghiên cứu này (hình 2).

Kiểm định độ tin cậy của mẫu khảo sát, với các chỉ số tới hạn CR < 2,00 (p > 0,05), kết luận, mẫu đáng tin cậy và mô hình ước lượng (ML) được sử dụng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu (Jöreskog & Sörbom, 2001).

Như vậy, các nội dung trong bảng câu hỏi khảo sát đều đạt độ tin cậy, độ giá trị khái niệm



Hình 2. Mô hình SEM lý thuyết đo lường mối quan hệ lao động

và giá trị nội dung. Đặc biệt, kết quả phân tích cho thấy các tham số về mối quan hệ giữa biến tiềm ẩn với biến quan sát, biến tiềm ẩn với tiềm ẩn trong mô hình lý thuyết là rõ ràng, hợp lý (hình 2) và đều có bằng chứng thống kê, giá trị thực tiễn phù hợp với giả thuyết, mô hình lý thuyết (hình 1, 2):

(1) CV, DT, LD, DN, TN giải thích 72% HL với trọng số lần lượt $\gamma_{DT \rightarrow HL} = 0,12$, $\gamma_{LD \rightarrow HL} = 0,14$, $\gamma_{CV \rightarrow HL} = 0,15$, $\gamma_{DN \rightarrow HL} = 0,18$ và $\gamma_{TN \rightarrow HL} = 0,44$; trong đó, đặc biệt yếu tố thu nhập $\gamma_{TN \rightarrow HL}$ có trọng số cao nhất; HL giải thích 64% PH với trọng số rất mạnh: $\gamma_{HL \rightarrow PH} = 0,80$;

(2) Nghiên cứu đã khẳng định giá trị của mô hình nghiên cứu với các nhân tố CV, DT, LD, DN, TN tác động trực tiếp đến sự hài lòng và gián tiếp đến mối quan hệ lao động (PH) trong doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

(3) Điểm trung bình về mức độ đồng ý của 5 thành phần cũng khá cao (đạt mức độ bắt đầu tốt): 5,5/7.

4. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

4.1. Đóng góp chính của nghiên cứu

4.1.1. Về khoa học

- Trên cơ sở JDI đã xây dựng và kiểm định mức độ phù hợp của mô hình lý thuyết về các thành phần CV, DT, DN, LD, TN, HL tác động tích cực đến biến mục tiêu là mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp (PH).

- Mô hình JDI cho thấy có thể áp dụng tại Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng.

4.1.2. Về thực tiễn

- Có cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng hệ thống giải pháp nhằm tăng cường, nâng cao mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng. Vấn đề cấp bách hiện nay là tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống người lao động; sau đó là công việc, đào tạo và phát triển nghề nghiệp; cuối cùng là vai trò, hình ảnh của người lãnh đạo.

- Kết quả cũng chỉ ra, nếu tăng chất lượng nội dung của 5 thành phần trên sẽ làm tăng mức độ thỏa mãn, hài lòng của người lao động; người lao động sẽ gắn bó lâu dài (trung thành), tích cực đóng góp để cùng doanh nghiệp phát triển. Nhà quản trị/quản lý phải đặt những yếu tố trọng tâm này khi hoạch định và thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp.

- Nghiên cứu này cũng cho biết tín hiệu về nhu cầu đào tạo, nâng cao trình độ của người lao động có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất - kinh doanh, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Do đó, cần đào tạo tay nghề cho người lao động và duy trì thường xuyên, đặc biệt là kiến thức chuyên môn.

Trong nhiều nghiên cứu cho thấy các thành phần trên là những nhân tố quan trọng nhất tạo nên sự thỏa mãn, hài lòng và gắn bó lâu dài của người lao động (Trần Kim Dung, 2005).

4.2. Khuyến nghị về quản trị

Trên cơ sở kết quả trên, tiến hành xây dựng hệ thống giải pháp góp phần tăng cường mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2015-2020 như sau:

4.2.1. Quản lý nhà nước

- Cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở khoa học đưa ra những chính sách, giải pháp phù hợp về tiền lương, đào tạo tay nghề cho người lao động để quản lý có hiệu quả lĩnh vực lao động.

- Quy định mức tiền lương tối thiểu đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu của người lao động, phù hợp với mặt bằng tiền lương trên thị trường, khả năng của doanh nghiệp và trình độ phát triển của nền kinh tế làm căn cứ thỏa thuận, thương lượng giữa các bên về tiền lương.

- Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về tiền lương, bảo hiểm và các chế độ phụ cấp khác.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra nhằm đảm bảo thực thi các quy định của nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và các chế độ khác.

- Cần cung cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục, phát triển kỹ năng đào tạo nghề cho người lao động.



4.2.2. Nhà quản trị doanh nghiệp

Doanh nghiệp hiểu biết sâu hơn các yếu tố, thành phần tạo nên sự hài lòng của người lao động. Trên cơ sở đó, hoạch định, xây dựng các chính sách, giải pháp tạo nên sự hài lòng của người lao động. Để có kết quả cao nhất, cần quan tâm các yếu tố sau:

• Thu nhập

Tập trung vào 3 lĩnh vực: tiền lương phù hợp với năng lực và mức độ đóng góp; được thưởng tương xứng với hiệu quả làm việc; chế độ bảo hiểm đầy đủ.

• Đồng nghiệp

Xây dựng, phát triển mối quan hệ đồng nghiệp tốt tại nơi làm việc, thể hiện qua sự hỗ trợ, phối hợp và môi trường làm việc thân thiện, đáng tin cậy.

• Công việc

Xây dựng bản tiêu chuẩn công việc nhằm liệt kê tất cả các yêu cầu chủ yếu đối với nhân viên; bố trí việc làm phù hợp với tay nghề, kỹ năng được đào tạo, hiểu rõ về công việc mình đang làm và được khuyến khích sáng tạo trong công việc.

• Vai trò, hình ảnh của người lãnh đạo

Nhà quản trị phải thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, động viên người lao động chu đáo: tạo động lực làm việc mạnh mẽ; luôn quan tâm đến người lao động về vật chất lẫn tinh thần, hỗ trợ người lao động trong công việc, đối xử công bằng với mọi người; có năng lực, tầm nhìn và kỹ năng quản trị tốt.

• Đào tạo và phát triển nghề nghiệp

Đào tạo để cùng đồng hành, phát triển với doanh nghiệp cần được xem là chiến lược, chính sách quan trọng. Cần tập trung vào 3 khâu then chốt sau: được tạo điều kiện để phát triển, nâng cao tay nghề; được đào tạo đầy đủ các kỹ năng về tay nghề; có chính sách đào tạo, nâng cao tay nghề cụ thể, rõ ràng.

4.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Kết quả mô hình lý thuyết về HL là 72%, 28% còn lại do các yếu tố bên ngoài tác động và HL tác động chung đến mối quan hệ lao động là 64%, 36% còn lại do các yếu tố khác tác động. Các nghiên cứu tiếp theo, cần bổ sung thành phần cũng như thang đo nhằm hoàn thiện hơn.

Dựa trên kết quả nghiên cứu này, các nhà quản lý, nhà nghiên cứu quan tâm có thể tiếp tục phỏng vấn người lao động, các chuyên gia, nhà quản lý; trao đổi, kế thừa các kinh nghiệm trong và ngoài nước; tiếp tục nghiên cứu để bổ sung các nhân tố tác động nhằm tăng mức độ hài lòng và mối quan hệ lao động tốt trong doanh nghiệp. ■

Theo đó, người sản xuất phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm theo quy định tại Điều 28 của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường, đồng thời có trách nhiệm:

a) Bảo đảm sản phẩm an toàn cho người, động - thực vật, tài sản, môi trường;

b) Tự xác định và thể hiện thông tin cảnh báo về khả năng gây mất an toàn của sản phẩm;

c) Trường hợp sử dụng mã số, mã vạch trên sản phẩm, hàng hóa hoặc bao bì sản phẩm, hàng hóa thì người sản xuất phải tuân thủ đúng quy định về sử dụng mã số, mã vạch.

Bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường

Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu trước khi đưa ra thị trường. Theo đó, đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) nhập khẩu, việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa được thực hiện thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy của người nhập khẩu. Việc công bố hợp quy được quy định chi tiết tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo một trong các biện pháp sau:

a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;

b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.



BỔ SUNG QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Ngày 15/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Nghị định sửa đổi, bổ sung điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường.

Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng quy định cụ thể các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu gồm:

1) Hành lý của người nhập cảnh, tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân trong định mức miễn thuế (không bao gồm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp điện);

2) Hàng hóa của các tổ chức, cá nhân ngoại giao, tổ chức quốc tế trong định mức miễn thuế (không bao gồm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp điện);

3) Mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất; thử nghiệm phục vụ giám định, chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thử nghiệm liên phòng;

4) Hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm thương mại (không bao gồm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp điện);

5) Quà biếu, tặng trong định mức thuế (không bao gồm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp điện);

6) Hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới trong định mức thuế;

7) Hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc tạm nhập - tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam (không bao gồm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe đạp điện);

8) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;

9) Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan (không áp dụng đối với hàng hóa từ kho ngoại quan đưa vào nội địa tiêu thụ);

10) Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho thương nhân nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu;

11) Hàng hóa kinh doanh miễn thuế cho khách xuất cảnh (quản lý theo chế độ tạm nhập - tái xuất);

12) Hàng hóa tái nhập khẩu để sửa chữa, tái chế theo yêu cầu của đối tác nước ngoài;

13) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

14) Hàng hóa nhập khẩu chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh;

15) Các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật.

Bổ sung trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường

Nghị định cũng bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường. Theo đó, sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường phải bảo đảm không gây mất an toàn cho người, động - thực vật, tài sản, môi trường. Khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường không phù hợp yêu cầu về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc có khả năng gây mất an toàn cho người, động - thực vật, tài sản, môi trường thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý, thu hồi sản phẩm, hàng hóa đó và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu. ■





HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, trong đó quy định việc hỗ trợ doanh nghiệp như sau:

Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

Điều kiện hỗ trợ

- Có dự án thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư;
- Có hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);
- Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án quy định trên.

Hình thức hỗ trợ

- Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện chuyển giao công nghệ;
- Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp.

Nội dung hỗ trợ

Đối với hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp để phục vụ hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ gồm:

- Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp.

Mức hỗ trợ

Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng mức hỗ trợ áp dụng theo quy định hiện hành đối với nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quỹ phát

triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Được hỗ trợ lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tối đa 2%/năm đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.

- Được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của các quỹ, tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.

Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp với đặc thù của địa phương

Tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương được hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ những nội dung:

- Tìm kiếm, thuê chuyên gia để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bảo đảm ứng dụng, chuyển giao theo đặc thù của địa phương;
- Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất;
- Các nội dung hỗ trợ khác theo quy định.

Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ được bố trí từ các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Mức hỗ trợ áp dụng theo văn bản hướng dẫn đối với các nguồn kinh phí trên theo quy định.



Tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương có trách nhiệm điều tra, khảo sát, tổng hợp lựa chọn nhu cầu cần hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp của địa phương.

Khuyến khích hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu chung

Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các ưu đãi

- Được hỗ trợ theo quy định tại Điều 8 đối với dự án đầu tư đổi mới công nghệ có hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) và thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư;

- Hưởng các hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 15 đối với cá nhân tham gia dự án đầu tư đổi mới công nghệ;

- Ưu tiên đưa nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào danh mục nhiệm vụ của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, các chương trình khoa học và công nghệ có nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Thuê lao động kỹ thuật, khảo sát nhu cầu thị trường, thuê trang thiết bị, sử dụng phòng thí nghiệm, cơ sở kỹ thuật để hoàn thiện, phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã nhận được khoản đầu tư ban đầu từ nhà đầu tư hoặc tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.



Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ được hưởng các ưu đãi

- Được ưu tiên đầu tư vào khu công nghệ cao đối với các dự án đáp ứng điều kiện về lĩnh vực công nghệ cao;

- Được khuyến khích thực hiện theo hình thức đối tác công tư và hưởng các ưu đãi theo quy định về đầu tư đối với dự án thực hiện các hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Việc triển khai dự án được thực hiện theo quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

- Được hỗ trợ kinh phí sửa chữa và sử dụng, khai thác cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung với mức giá ưu đãi cho hoạt động ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo; đầu tư trang thiết bị dùng chung cho hoạt động ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo; lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp miễn phí các dịch vụ internet cho cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án nghiên cứu được hưởng các ưu đãi

- Ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các chương trình hợp tác song phương và đa phương đối với hợp tác nghiên cứu chung có tổ chức hoặc cá nhân ở nước ngoài tham gia;

- Hỗ trợ công bố công nghệ mới, sản phẩm mới từ kết quả hợp tác nghiên cứu theo quy định tại Điều 26;

- Hỗ trợ khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo Điều 24;

- Được xem xét hỗ trợ kinh phí nếu đáp ứng các quy định tại Điều 19. ■



YÊU CẦU CHUNG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Ngày 16/5/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.

Trong đó bổ sung quy định về yêu cầu chung trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Cụ thể, về xây dựng tiêu chuẩn, phải có sự tham gia của đại diện các cơ quan quản lý, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, người tiêu dùng, chuyên gia liên quan; tuân thủ nguyên tắc làm việc đồng thuận trên cơ sở thảo luận, góp ý kiến công khai, dân chủ.

Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ký kết, tham gia; các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt kế hoạch xây dựng QCVN, QCĐP thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại các Điều 29, 60, 61 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống; Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm góp ý đối với kế hoạch xây dựng QCVN, QCĐP trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của cơ quan xây dựng kế hoạch.

Bên cạnh đó, ưu tiên xây dựng quy chuẩn kỹ thuật điều chỉnh theo nhóm các đối tượng tương đồng về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý.

Quy định biện pháp quản lý và mức giới hạn về các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường trực tiếp phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe, môi trường, động, thực vật, lợi ích và an ninh quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, tôn trọng quyền tự do sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Nội dung QCVN được viện dẫn đến QCVN khác, tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực, nước ngoài.

Trường hợp viện dẫn đến tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài đối với các yêu cầu kỹ thuật, cơ quan ban hành phải bảo đảm sẵn có bản tiếng Việt của tài liệu viện dẫn để cá nhân, tổ chức tham khảo khi được yêu cầu.

Khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật phải rà soát các quy định về thừa nhận tương đương, bảo đảm tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ký kết, tham gia.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật có khả năng tạo rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế, cơ quan ban hành phải gửi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đến Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến quốc tế theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ký kết, tham gia. ■



QCVN
QUY CHUẨN QUỐC GIA



TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG "TRÌNH DIỄN, KẾT NỐI CUNG CẦU CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ" NĂM 2018

Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành

Thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) đến năm 2020, đồng thời, hỗ trợ thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, kết nối cung cầu công nghệ theo nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngày 20/4/2018 Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành công văn số 1098/BKHCN-U'DCN về việc phối hợp triển khai các hoạt động "Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ quốc tế và hội nghị Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN năm 2018" tại thành phố Cần Thơ từ ngày 03-05/10/2018.

Sự kiện có sự tham gia của các doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài; tăng cường các hoạt động khảo sát, tiếp xúc với doanh nghiệp, kết nối cung cầu công nghệ giữa khu vực doanh nghiệp trong nước với các Viện nghiên cứu, trường Đại học trong và ngoài nước theo nhu cầu của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ; phát triển các điểm kết nối cung cầu công nghệ; nâng cao vai trò và hiệu quả của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN đối với các doanh nghiệp trong hoạt động ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ;...

Chủ đề năm 2018 là "Đổi mới công nghệ - Sáng tạo, hội nhập và phát triển", gồm các nội dung như: điều tra, khảo sát xác định nhu cầu công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ doanh nghiệp, đánh giá hiện trạng công nghệ trong ngành/lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp - chế biến gỗ, thủy sản, công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin - truyền thông; điều tra, khảo sát, tìm kiếm, thu thập, cập nhật nguồn cung công nghệ về những công nghệ sẵn sàng chuyển giao, sản phẩm/thiết bị hình thành từ kết quả nghiên cứu KH&CN sẵn sàng chuyển giao; dịch vụ KH&CN; tôn vinh doanh nghiệp đổi mới công nghệ... Ngoài ra còn diễn ra một số sự kiện khác như: diễn đàn công nghệ nông nghiệp và thủy sản Mekong 2018; hội thảo giới thiệu thành tựu công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Hàn Quốc; diễn đàn công nghệ nông nghiệp và thủy sản Mekong 2018.

Doanh nghiệp có nhu cầu tham gia các hoạt động Trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ Quốc tế năm 2018 xin liên hệ phòng Quản lý công nghệ và chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng, Điện thoại: (0263)3833161 để được hướng dẫn cụ thể. ■

KIỂM SOÁT RAU, HOA, CÀ PHÊ ARABICA GẮN NHÃN HIỆU "ĐÀ LẠT - KẾT TINH KỲ DIỆU TỪ ĐẤT LÀNH"

VĂN VIỆT

Trong quý 2/2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành dự thảo, trình UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành bộ tiêu chí sử dụng nhãn hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" đối với sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica.

Theo đó, mục tiêu giai đoạn 2018-2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh tập trung triển khai 4 nhiệm vụ quản lý, kiểm soát sản phẩm sử dụng nhãn hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" gồm: xây dựng quy trình sản xuất từng loại cây trồng ứng dụng công nghệ cao; xác nhận theo

chuỗi cung ứng nông sản an toàn; tập huấn đội ngũ cán bộ công chức, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rau, hoa, cà phê Arabica về quản lý, sử dụng nhãn hiệu bảo hộ độc quyền; kiểm soát chất lượng nông sản trước khi phân phối ra thị trường.

Việc kiểm tra, kiểm soát theo định kỳ và đột xuất nhằm đạt tỷ lệ 100% sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica gắn nhãn hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" đạt chất lượng cao, cạnh tranh tích cực trên thương trường. ■



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

HOA KỲ

Sản phẩm điều chỉnh: Quả xoài.

Thông báo số: G/TBT/N/USA/1358, ngày 10 tháng 4 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo đưa ra góp ý về việc sửa đổi các quy định của Cục Tiếp thị Nông nghiệp (AMS) về Chương trình nghiên cứu và xúc tiến quốc gia đối với xoài tươi và xoài đông lạnh như một mặt hàng được bảo hộ. Ngoài ra, đề xuất này công bố ý định của AMS yêu cầu Văn phòng Quản lý và Ngân sách (OMB) chấp thuận các yêu cầu thu thập thông tin mới cần thiết theo chương trình này.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: phòng chống hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng.

Thời gian dự kiến thông qua: được xác định

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: được xác định

Thời hạn góp ý: ngày 05/6/2018

Cơ quan có trách nhiệm: Cục Tiếp thị Nông nghiệp (AMS), Bộ Nông nghiệp (USDA) [1380]

Điểm hỏi đáp TBT của Hoa Kỳ.

Email: usatbtep@nist.gov.

RWANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Phân bón hữu cơ.

Thông báo số: G/TBT/N/RWA/133, ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn châu Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón hữu cơ.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sự sống và sức khỏe của động, thực vật; yêu cầu chất lượng.

Thời gian dự kiến thông qua: được xác định

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: được xác định

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo

Cơ quan có trách nhiệm: Ban Tiêu chuẩn Rwanda (RSB)

Địa chỉ: KK 15 Rd, 49

Hòm thư 7099, Kigali, Rwanda.

Điện thoại: +250 788303492.

Email: info@rsb.gov.rw.

Website: www.rsb.gov.rw.

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: Cà phê và sản phẩm thay thế.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/661, ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Mô tả nội dung: quy tắc thực hành này cung cấp các hướng dẫn để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng; sức khỏe, an toàn và phúc lợi xã hội cho người lao động; bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững của các bên liên quan trong chuỗi giá trị cà phê tại Kenya.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: yêu cầu về chất lượng.

Thời gian dự kiến thông qua: tháng 6/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có tuyên bố của Bộ trưởng Nội các Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã.

Thời hạn góp ý: ngày 08/5/2018.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Kenya.

Hộp thư : 54974-00200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605490, 605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

E-mail: info@kebs.org.

Website: <http://www.kebs.org>.



VIỆT NAM

Sản phẩm điều chỉnh: Rượu, đồ uống.

Thông báo số G/TBT/N/VNM/126, ngày 22 tháng 5 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo này quy định các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát tác hại của rượu, bia và các đồ uống có cồn khác (sau đây được gọi là rượu) gồm: các biện pháp giảm nhu cầu, kiểm soát việc cung cấp rượu và giảm tỷ lệ tiêu thụ rượu.

Rượu được sản xuất và nhập khẩu để bán ở Việt Nam, trong trường hợp thiếu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phải tuân thủ các quy định về điều kiện an toàn đối với rượu.

Các nhà sản xuất và nhập khẩu rượu phải tuân thủ các quy định đảm bảo chất lượng và chứng nhận của cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm và đồ uống; chịu trách nhiệm về sự an toàn của rượu phù hợp với các quy định kỹ thuật quốc gia.

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về rượu và quy định điều kiện an toàn đối với sản phẩm rượu; quy định thủ tục công bố thông báo hoặc sự phù hợp quy định về an toàn thực phẩm đối với rượu.

Yêu cầu dán nhãn trên bao bì rượu xuất khẩu, khuyến khích các nhà sản xuất đưa vào nhãn: các đơn vị thuộc lượng rượu; giới thiệu với người tiêu dùng về rượu ở mức độ rủi ro thấp; cảnh báo về sức khỏe theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: 15/5/2019.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 01/01/2020.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Y tế.

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 362732402.

Fax: (84-24) 38464051.

Email: byt@moh.gov.vn.

Website: www.moh.gov.vn.

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Nước ép trái cây, mật hoa.

Thông báo số G/TBT/N/UGA/850, ngày 14 tháng 6 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm cho nước ép trái cây, mật hoa và nước trái cây cô đặc dùng để tiêu thụ trực tiếp cho con người hoặc chế biến tiếp.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: đảm bảo thông tin cho người tiêu dùng, ghi nhãn; ngăn chặn các hành vi lừa đảo và bảo vệ sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng; yêu cầu về chất lượng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: tháng 12/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có tuyên bố chính thức của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda.

Địa chỉ: Hòm thư số 6329, Lô 2-12 ByPass Link Bweyogerere, Khu công nghiệp và Thương mại Kampala, Uganda.

Điện thoại: +256 (0) 417-333 250/1/2.

Email: info@unbs.go.ug.

TANZANIA

Sản phẩm điều chỉnh: Nhân hạt điều.

Thông báo số G/TBT/N/TZA/182, ngày 12 tháng 6 năm 2018.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm đối với nhân hạt điều (*Western Anacardium, Linnaeus*) sử dụng trong tiêu dùng cho con người.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: đảm bảo thông tin cho người tiêu dùng, ghi nhãn; ngăn chặn các hành vi lừa đảo và bảo vệ sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng; yêu cầu về chất lượng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: tháng 10/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có tuyên bố chính thức của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thương mại và Đầu tư.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Tanzania.

Địa chỉ: Hòm thư 9524, Ubungu, Đường Morogoro/Sam Nujoma.

Điện thoại: +255 222450206.

Email: info@tbs.go.tz.



CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

GIỐNG NẤM SÒ PN1

Giống nấm sò PN1 do các nhà khoa học thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo. Giống có hệ sợi nấm khỏe, sinh trưởng tốt trên nhiều loại nguyên liệu, đặc biệt trên nguồn rơm rạ ủ tự nhiên (nguyên liệu không qua khử trùng ở nhiệt độ cao).

Thời gian hệ sợi nấm mọc kín giá thể nuôi trồng ngắn hơn các giống nấm sò khác 3-5 ngày. Quả thể nấm sinh trưởng trong biên độ nhiệt độ rộng (16-35°C); màu quả thể thay đổi rõ rệt theo mùa vụ, mọc chùm; thời gian ra quả thể phân bố đều trong chu kỳ nuôi trồng (không tập trung vào một vài đợt như các giống nấm sò khác), giúp thuận tiện cho việc tiêu thụ sản phẩm nấm tươi. Khả năng chống chịu sâu, bệnh tốt, nhiễm nấm mốc và các loại bệnh khác thấp (< 5%). Đặc biệt, giống nấm sò PN1 có thể sinh trưởng và phát triển nhiều vụ trong năm, năng suất ổn định (700-750 kg nấm tươi/tấn nguyên liệu khô, cao hơn giống nấm sò khác khoảng 20%), có độ đồng đều cao.



Chi tiết xin liên hệ: TS. Nguyễn Thị Bích Thủy - Khoa Công nghệ sinh học - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Điện thoại: 01679171187.

MÁY CHO CÁ ĂN TỰ ĐỘNG TÍCH HỢP CÔNG NGHỆ IOT

Người nuôi cá hiện nay rất quan tâm đến khâu rải thức ăn cho cá vì nếu sử dụng quá nhiều thức ăn, cá sẽ không sử dụng hết, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường; ngược lại khi thiếu sẽ không đảm bảo sự sinh trưởng của cá. Để giải quyết vấn đề này, các nhà khoa học thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ CVTECH đã nghiên cứu sản xuất thành công máy cho cá ăn tự động tích hợp công nghệ IoT.

Máy được kết hợp với bộ điều khiển trung tâm giúp người nuôi có thể cho cá ăn hoàn toàn tự động mà vẫn đảm bảo không thừa lượng thức ăn. Cụ thể, với bộ điều khiển trung tâm, người nuôi có thể thiết lập thời gian mở/tắt máy; thời gian mỗi lần cho ăn qua smartphone; nhắc nhở khi lượng thức ăn còn lại trong máy sắp hết; bật/tắt đèn chiếu sáng hồ qua smartphone. Bên cạnh đó, máy còn có chuông reo giúp cá hình thành thói quen tập hợp quanh khu vực có thức ăn và sử dụng, tránh tình trạng thừa thức ăn, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.



Chi tiết liên hệ: Công ty Cổ phần Công nghệ CVTECH. Số 81/9 đường số 2, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 028.38973268/0986945335; Email: cvtechco@gmail.com; Website: www.iotechpro.com.



MỞ CỬA XUẤT KHẨU HOA ĐÀ LẠT

NGUYỄN NGHĨA - PHƯỚC AN

Bằng con đường liên kết với các đối tác ngay tại các thị trường xuất khẩu, người trồng hoa Đà Lạt mỗi năm đưa hơn 300 triệu/3 tỷ cành hoa xuất khẩu, chiếm 10% tổng sản lượng hoa của Đà Lạt.

Liên kết xuất khẩu hoa Đà Lạt

Hoa Đà Lạt xuất khẩu nhiều nhất trong 3 năm trở lại đây, chủ yếu là các loại hoa cắt cành như cúc, hồng, cẩm chướng...; thị trường chính là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Úc,...

Thời gian gần đây, ngoài các doanh nghiệp FDI, một số hộ tư nhân, doanh nghiệp tại Đà Lạt cũng tìm kiếm thị trường xuất khẩu thông qua liên kết hợp tác quốc tế với các nhà phân phối tại các thị trường hướng tới. Hiện nay, xuất khẩu hoa nhiều nhất ở Nhật Bản (chiếm 60% sản lượng xuất khẩu), Úc (3,2%), Đài Loan (3,1%), còn lại tập trung ở các nước như Hàn Quốc, Bỉ, Thái Lan, Philippines, Singapore, Nga, Campuchia.

Lan Vũ nữ của Công ty TNHH Hoa Mặt Trời đã có mặt tại sàn đấu giá hoa OTA lớn nhất Nhật Bản vào năm 2017. Lan Vũ nữ thể hiện rõ xuất xứ Đà Lạt, được các nhà phân phối hoa của Nhật đánh giá cao. Mỗi đợt hoa đưa lên sàn đều được các nhà phân phối Nhật Bản đặt lệnh mua nhanh chóng. Ông Huỳnh Tấn Sơn, Giám đốc Công ty TNHH Hoa Mặt Trời, cho biết: *“Đối tác phân phối tại Nhật Bản cho biết hoa của Công ty đưa lên sàn là hết. Các nhà phân phối dự định mua hoa Đà Lạt trong phiên đấu giá nên ra giá rất nhanh. Nghe kể tôi nghĩ rằng mình may mắn vì chúng tôi biết sự khát khe của thị trường hoa ở Nhật Bản. Tuy nhiên, sau vài lần, phía đối tác liên kết sản xuất Nhật Bản đã có định hướng đúng để thích ứng được với sự khát khe của thị trường hoa Nhật chứ không đơn giản là “ăn may” ở đây”*. Ông Sơn cho biết, phương thức để xuất khẩu hoa đến Nhật Bản: *“Đối tác Nhật sẽ tìm đầu ra, có đơn hàng sản xuất cụ thể, gọi ý loại giống phù hợp nếu đó là giống mới. Công ty chuyên lo sản xuất theo đúng đặt hàng để có sản phẩm đúng quy cách. Kết thúc giai đoạn sơ chế, phía đối tác đưa hoa về Nhật. Hoạt động đưa hoa xuất khẩu không thực hiện từng đợt mà gói đầu liên tục, bộ phận thương mại tại Nhật liên tục đưa đơn hàng đến Đà Lạt kèm những thông tin phân tích thị trường, thị hiếu tiêu dùng để có thể chuyên*



hướng sản xuất cho phù hợp”. Tại Đà Lạt, người sản xuất như ông Sơn chịu trách nhiệm triển khai các đơn hàng theo đúng tiến độ.

Ông Võ Quốc Huy - Giám đốc Công ty TNHH Florian đã xuất khẩu hoa cúc, cẩm chướng đi Nhật và nhiều thị trường khác từ năm 2014. Sau rất nhiều khó khăn để tìm hướng xuất khẩu hoa, ông Huy thừa nhận: *“Thế mạnh của mình là sản xuất. Mình am hiểu vùng đất Đà Lạt hơn bất kỳ đối tác nào nên chuyên tâm sản xuất. Thương mại, nhất là thương mại quốc tế, một lĩnh vực chuyên biệt, người sản xuất ở Đà Lạt vẫn còn thiếu nhiều yếu tố để có thể bước chân vào”*.

Hiện mỗi tuần, Công ty Florian xuất khẩu sang Nhật Bản hơn 10 ngàn cành hoa. Ông Huy cho rằng, việc tìm đối tác không quá khó khăn, gần như hàng tháng ông đều gặp đại diện các công ty thương mại hoa đến Đà Lạt tìm những đơn vị trồng hoa có năng lực để hợp tác. *“Họ luôn tìm đối tác có thể sản xuất nhiều, có liên kết với nông hộ tại địa phương để tạo mạng lưới sản xuất với diện tích ít nhất khoảng 5 ha trở lên”*, ông Huy cho hay.

Khi bắt tay vào sản xuất, đối tác phụ trách thương mại sẽ mang bộ quy tắc liên quan đến chất lượng, quy cách, bệnh dịch hoa đưa cho nhà sản xuất. Người sản xuất có trách nhiệm



ứng dụng các phương thức canh tác phù hợp để đưa ra loại hoa đáp ứng đúng yêu cầu. “*Làm đúng quy tắc có nghĩa cánh cửa xuất khẩu đã mở ra đến 90% ngay cả khi hoa chưa rời Việt Nam*”, ông Huy nhấn mạnh.

Ông Huy đánh giá, đa số nông dân Đà Lạt đều có thể triển khai bộ quy tắc của nhiều thị trường xuất khẩu lớn và khó tính; trường hợp giống quá mới, vướng nhiều thủ tục pháp lý thì phía chịu trách nhiệm xuất khẩu hoa sẽ đưa chuyên gia sang Việt Nam hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân.

Ông Võ Quốc Khoa, Giám đốc Công ty Hoa Dalat Green, cho rằng: “*Đối với nền nông nghiệp mà yếu tố thương mại quốc tế còn là một khoảng trống thì liên kết xuất khẩu làm lợi cho nông dân nhiều hơn, đó là cách tự huấn luyện mình trước khi tự bơi ra thị trường quốc tế*”.

Rào cản về bản quyền giống

Đa số các đối tác nước ngoài đến Đà Lạt liên kết với nông dân sản xuất hoa xuất khẩu đều e ngại bản quyền giống hoa. Ông Phan Thanh Sang - Chủ tịch Hiệp hội Hoa Đà Lạt nhận định, nếu không vướng vấn đề bản quyền giống, hoa Đà Lạt xuất khẩu nhiều hơn 10%. Ông Sang nói: “*Hoa muốn xuất khẩu phải có bản quyền cây giống, chỉ rất ít nông dân ở Đà Lạt nhập giống có bản quyền để canh tác*”.

Theo ông Võ Quốc Huy: “*Thực tế, có một vài lần hoa Đà Lạt vướng nghi vấn không đảm bảo an toàn dịch hại tại hải quan Nhật Bản. Đối tác kinh doanh tại Nhật đã can thiệp kỹ thuật xử lý sau thu hoạch để đợt hàng được thông quan. Đây là tình huống rất bình thường khi xuất khẩu hoa. Nếu không liên kết, gần như người sản xuất hoa đứng ở thế yếu trong nhiều tình huống pháp lý và ở trường hợp như thế này, nông dân chỉ còn cách nhìn hoa bị tiêu hủy và chịu phí phạt*”.

Ông Trần Văn Bảo, Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH Dalat Hasfarm - doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hoa hàng đầu châu Á nhận định, hoạt động xuất khẩu hoa của Đà Lạt bị “tắc” ở khâu giống; nông dân muốn mua giống có bản quyền thì không có thông tin; những công ty sản xuất giống uy tín hàng đầu thế giới thì lo ngại bị sao chép giống nên không quan tâm đến thị trường Việt Nam.

Ông Khoa lại cho rằng: “*Có hàng nghìn loại giống tốt đã hết thời gian bảo hộ bản quyền, nông dân có thể mua dùng miễn phí nhưng không có kênh thông tin để tiếp cận. Điều này đã cản đường xuất khẩu hoa ở Đà Lạt*”. Theo đó,

Mở sàn giao dịch hoa

UBND tỉnh Lâm Đồng đang xây dựng sàn giao dịch hoa chất lượng cao. Sàn giao dịch có mở kênh đấu giá từ xa thông qua thương mại điện tử để những nhà phân phối hoa nước ngoài có thể đặt mua từ xa. Sàn giao dịch hoa là phương án thúc đẩy xuất khẩu hoa ngay tại Đà Lạt, mặt khác minh bạch giá bán để nâng lợi nhuận cho nông dân. Trung tâm giao dịch hoa sẽ được xây dựng ở điểm cuối của đèo Mimosa (cách trung tâm thành phố Đà Lạt 10 km), trên diện tích 16,6 hecta, có chức năng thu gom hoa của Đà Lạt và vùng lân cận, sau đó tiến hành xử lý để có thể vận chuyển đi xa. Trung tâm cũng tổ chức hệ thống xe vận chuyển để đưa hàng về Trung tâm giao dịch hoa TP Hồ Chí Minh.

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm ưu thế trong lĩnh vực xuất khẩu hoa nhờ lợi thế tiếp cận giống có bản quyền. Hiện tại, trong liên kết sản xuất hoa để xuất khẩu, nhiệm vụ tìm kiếm nguồn giống tốt, đúng thị hiếu thị trường được giao cho đối tác nước ngoài. “*Sự thiếu tôn trọng bản quyền cây giống đã khiến các công ty giống hoa e dè xuất khẩu giống hoa tốt sang Việt Nam. Hiện chúng ta đang cậy nhờ niềm tin từ các đối tác để có giống trồng hoa xuất khẩu*”.

Theo thông tin từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, vùng hoa Đà Lạt nhập hơn 50 triệu USD giống hoa/năm. Do thiếu nguồn cung chính ngạch nên nông dân chủ yếu dùng giống do đối tác liên kết cung cấp hoặc nhập theo đường tiểu ngạch. Ông Nguyễn Văn Sơn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng cho rằng, không chủ động giống có bản quyền khiến nông dân lệ thuộc vào đối tác liên kết, bị chi phối về giá xuất bán khiến lợi nhuận giảm; nông dân không thể đa dạng nguồn xuất khẩu do lệ thuộc vào giống hoa, khiến thị trường xuất khẩu bị gói gọn hoặc chậm mở rộng. Ông Sơn tính toán, nếu nông dân có giống bản quyền đúng thì việc xuất khẩu hoa sẽ phát triển mạnh bởi ngoài hợp tác với đối tác nước ngoài, những nhà phân phối trong nước cũng sẽ tham gia.

Điều chỉnh toàn diện công nghệ sản xuất

Trong 5 năm tới, mục tiêu xuất khẩu hoa của Đà Lạt sẽ tăng 15% (400 triệu cành/năm). Do vậy, cần điều chỉnh toàn diện công nghệ sản xuất để đáp ứng thị trường xuất khẩu bền vững.



Hiện nay, mỗi năm Đà Lạt xuất bán 300 ngàn cành hoa sang thị trường các nước, chiếm 10% tổng sản lượng hoa của các vùng nông nghiệp Đà Lạt. Sản lượng xuất khẩu hoa tăng đều từ năm 2013 và tăng mạnh trong 3 năm trở lại đây.

Tổ chức mô hình vệ tinh - liên kết chuỗi

Hiện vùng hoa Đà Lạt có tổng diện tích canh tác hàng năm khoảng 9.000 ha. Để đạt sản lượng xuất khẩu ấn tượng hơn, ngành nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng đã tính đến nhiều giải pháp.

TS. Phạm S, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cho rằng, ngành hoa cần điều chỉnh toàn diện công nghệ sản xuất để có những bước đi bền vững trên thị trường xuất khẩu; việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật theo hướng nông nghiệp công nghệ cao được thực hiện rộng rãi đến quy mô hộ gia đình đã góp phần đưa năng suất, chất lượng hoa Đà Lạt ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Nhìn toàn cảnh ngành hoa Đà Lạt có thể thấy những khó khăn rất rõ ràng với các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng cao của quốc tế khi gia nhập thị trường chung; các nước sử dụng rào cản kỹ thuật để kiểm soát nhập khẩu ngày càng tăng. Hệ thống kiểm soát nhập khẩu của các nước mang tính phòng ngừa, tức là kiểm tra tại vùng sản xuất để đánh giá an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật trước khi nhập khẩu.

Hiện nay, quy mô các hộ sản xuất hoa tại Đà Lạt còn nhỏ lẻ, trung bình 0,2-0,3 ha/hộ; số chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ hoa còn hạn chế, chỉ có 3 chuỗi với diện tích 236 ha, tổng sản lượng 181,8 triệu cành. Vì vậy sản lượng sản xuất không đủ lớn, độ ổn định về chất lượng, số lượng và độ đồng đều không đảm bảo.

Việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất từng bước được thực hiện đã cải thiện chất lượng hoa nhưng đa số chưa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu về mẫu mã, kiểm dịch thực vật và công nghệ sau thu hoạch. Phần lớn giống hoa còn phụ thuộc vào nhập nội, nhất là các loại hoa cao cấp; thiếu nguồn giống tốt, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và hình thức cho thị trường xuất khẩu, đây là thách thức rất lớn. Một số loại đáp ứng nhu cầu thì vấn đề bản quyền bảo hộ giống chưa đảm bảo.

Từ những khó khăn đã xác định, ngành hoa cần thay đổi toàn diện công nghệ sản xuất hoa; mua bản quyền giống hoa; hỗ trợ nông hộ liên kết nhập giống, mua bản quyền các giống hoa mới để tạo nguồn giống tốt phục vụ sản xuất; nghiên cứu thị trường các nước về thị hiếu, yêu cầu kỹ



thuật, từ đó xây dựng chuỗi liên kết sản xuất hoa đảm bảo chất lượng. Trong đó, mỗi khâu đều có tiêu chuẩn phòng ngừa rủi ro, thiết bị, chuyên gia để hoa xuất sang các nước đáp ứng được quy trình tiêu chuẩn của nước nhập khẩu.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm S nhấn mạnh, phải thực hiện các chuỗi liên kết để sản xuất hoa đủ số lượng, ổn định chất lượng qua thời gian, đảm bảo độ đồng đều theo đặt hàng của thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời, nâng cao chất lượng hoa thông qua nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc, áp dụng công nghệ sau thu hoạch. Quan trọng nhất là việc xử lý kiểm dịch thực vật ngay tại cơ sở sản xuất để giảm thiểu rủi ro khi xuất khẩu. Thực hiện phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Hoa Đà Lạt” bằng nhiều hình thức như: in tem nhận diện, quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm hoa đã được kiểm soát chất lượng theo chuỗi. Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch để kéo dài tuổi thọ của hoa cắt cành như xử lý lạnh, kiểm dịch thực vật và các chất bảo quản, trong đó ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học.

Hiện tại, Lâm Đồng đang xây dựng bộ tiêu chuẩn hoa Đà Lạt, trong đó khuyến khích các doanh nghiệp quan tâm đến trao đổi tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng nội bộ và quốc tế, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Trong quá trình phát triển sản xuất, các đơn vị sản xuất hoa phải có biện pháp quản lý bệnh phát sinh từ đất như nấm, tuyến trùng, vi khuẩn giúp hoa đảm bảo chất lượng.

Sàn giao dịch hoa chất lượng cao đang được xây dựng tại Lâm Đồng và mở kênh đấu giá từ xa thông qua thương mại điện tử để những nhà phân phối hoa nước ngoài có thể đặt mua từ xa. Đây là phương án thúc đẩy xuất khẩu hoa ngay tại Đà Lạt, mặt khác minh bạch giá bán để nâng lợi nhuận cho nông dân.



Tích tụ ruộng đất

TS. Phạm S cho rằng, thay đổi toàn diện công nghệ sản xuất phải đi kèm với việc tổ chức sản xuất và giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai, giống và công nghệ sau thu hoạch; có chính sách tích tụ về đất đai nhưng vẫn đảm bảo sinh kế của người dân. UBND tỉnh Lâm Đồng chủ trương phát triển sản xuất hoa theo mô hình hạt nhân. Các doanh nghiệp FDI và cơ sở sản xuất đang có công nghệ sau thu hoạch xây dựng mô hình, quy trình sản xuất chuẩn sau đó chuyển giao, hợp tác với nông dân để đưa sản phẩm ra thị trường. Đồng thời, nên nhập khẩu những giống chất lượng từ nước ngoài, đa dạng hóa chủng loại, màu sắc. Trong thời gian tới, cần phát triển kỹ thuật nuôi cấy đỉnh sinh trưởng để cung cấp giống sạch cho sản xuất.

Theo ông Nguyễn Văn Sơn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, “cần xóa mù bản quyền giống”, không có kênh thông tin chính thức tầm quốc gia về giống khiến nông dân bị “mù” thông tin cây giống có bản quyền quốc tế. Người trồng hoa phải tự tìm kiếm thông tin về cách nhập, nơi bán, hình thái cây hoa, thời hạn bảo hộ bản quyền, cách thức hoàn trả chi phí bản quyền giống. Do đó, rất nhiều giống hoa đã hết hạn bảo hộ bản quyền nhưng nông dân không có thông tin nên nhiều cơ hội phát triển ngành hoa bị bỏ lỡ.

Tỉnh Lâm Đồng cũng đã có những kiến nghị đến các cơ quan trung ương các vấn đề về cây giống, dữ liệu bản quyền theo phương thức đơn giản để nông dân tiếp cận và thúc đẩy xuất khẩu hoa.

Để những công ty lớn trên thế giới mạnh dạn bán giống sang Việt Nam và tổ chức phương thức thu phí bản quyền cây giống phù hợp với điều kiện địa phương, ông Sơn cho rằng cần sớm có chế tài đối với việc sao chép giống trái phép bằng cách nhập tiểu ngạch sau đó nuôi cấy mô.

Ông Siebe Van Wijk, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Fresh Studio Innovations Asia với 15 năm trực tiếp làm việc với nông dân Đà Lạt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao cho rằng, giống thực sự là vấn đề lớn với nông dân Đà Lạt. Nhà nước phải thông tin nhiều hơn về vấn đề này, tìm cách kéo gần các công ty sinh học uy tín trên thế giới lại gần nông dân Việt Nam. Kho thông tin về nông nghiệp công nghệ cao trên thế giới rất nhiều, có phí lẫn miễn phí, không nên để người nông dân mù mờ. ■

QUẢN LÝ TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 17/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2018/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) sử dụng vốn nhà nước.

Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước gồm: tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước; tài sản là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước.

Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ là tài sản đồng sở hữu; việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các bên còn lại và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt theo quy định của pháp luật về KH&CN, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phải bảo đảm chặt chẽ, có hiệu quả; công khai, minh bạch.

Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp hoặc hỗ trợ là tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định được xử lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan. ■



DÂU TÂY HỮU CƠ - NÂNG CAO GIÁ TRỊ NÔNG SẢN ĐẶC SẢN ĐÀ LẠT BẰNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

ĐẶNG TRUNG TUYÊN

Vườn Dâu Công nghệ cao GauBu Strawberry Đà Lạt

Đà Lạt, thành phố du lịch với khí hậu mát mẻ, cảnh quan du lịch đa dạng, phong phú, quanh năm rực rỡ sắc hoa và đặc biệt, du khách đến với Đà Lạt không quên mua những món nông sản, đặc sản mang hương vị Đà Lạt về cho gia đình, bạn bè. Trong đó, du khách sẽ không thể bỏ qua Dâu tây Đà Lạt với trái dâu đỏ mọng, vị ngọt thanh mà khó có nơi nào trồng được. Tuy nhiên, loại trái cây này lại rất khó trồng và chăm sóc. Để trái dâu đẹp, tươi, ngọt và bảo quản được lâu đòi hỏi người trồng phải có kinh nghiệm chăm sóc đặc biệt đối với loại nông sản này.

Trong điều kiện khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, nhiều vườn Dâu tây tại Đà Lạt đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như trồng trong nhà kính, trồng thủy canh,... nhằm đem lại sản phẩm dâu an toàn cho người tiêu dùng.

Qua nhiều năm tìm hiểu thị trường, nhu cầu mua Dâu tây Đà Lạt của khách du lịch khi đến với Đà Lạt là rất lớn và ngày càng đòi hỏi cao về an toàn, chất lượng sản phẩm. Bằng những kiến thức chuyên ngành, kinh nghiệm làm việc tại phòng thí nghiệm của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng, nghiên cứu tài liệu và học hỏi thêm từ những chuyên gia có kinh nghiệm, anh Đặng Trung Tuyên (thôn Lạc Quý, xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt) đã tự phối trộn giá thể, pha chế phân bón hữu cơ tại chỗ với các dưỡng chất phù hợp cung cấp cho cây dâu. Đồng thời áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như công nghệ tưới nhỏ giọt của Israel, quạt điều hòa nhiệt độ khép kín, lắp đặt theo từng khu vực trong nhà kính, từ đó tạo ra sản phẩm dâu an toàn, bảo đảm chất lượng cung cấp cho người tiêu dùng.

Sau khi bắt tay xây dựng và trồng thử nghiệm, đến tháng 12/2017, Vườn dâu công nghệ cao GauBu Strawberry Đà Lạt được hình thành, với diện tích nhà kính trên 500 m². Đến tháng

02/2018, Vườn dâu bắt đầu cho trái và đón những lượt khách đầu tiên đến tham quan, trải nghiệm hái, thử dâu tại vườn.

Với định hướng tạo ra sản phẩm Dâu tây an toàn theo phương thức hữu cơ, Vườn dâu được xây dựng dựa trên các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu GlobalGAP. Trong đó, mẫu đất, nước sử dụng trong quá trình trồng dâu gửi đi phân tích đều đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo yêu cầu; quá trình trồng, thu hái khép kín; sử dụng phân bón, chất dinh dưỡng theo liều lượng quy định, chủ yếu sử dụng phân bón có nguồn gốc hữu cơ, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để tránh tồn dư các chất độc hại, an toàn cho người sử dụng và môi trường. Bước đầu khâu sản xuất, trồng trọt đã đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn.

Bên cạnh quá trình sản xuất an toàn, Vườn dâu cũng hướng đến du lịch canh nông, kết hợp sản xuất, kinh doanh và du lịch. Khách tham quan được giới thiệu về kỹ thuật trồng, chăm sóc, cách thu hái, những dấu hiệu để nhận diện Dâu tây Đà Lạt và được trải nghiệm hái, thưởng thức dâu tại vườn. Việc kết hợp du lịch vào quá trình sản xuất, kinh doanh đã giúp sản phẩm của Vườn dâu công nghệ cao GauBu Strawberry Đà Lạt được nhiều du khách biết đến và lựa chọn.

Hiện tại, sau 7 tháng trồng và chăm sóc, Vườn dâu đã cho thu hoạch được 4 tháng, với sản lượng trung bình 15-20 kg/ngày; tuy nhiên, lượng dâu vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng. Dự kiến đến cuối năm 2018, Vườn dâu sẽ mở rộng diện tích liên canh nhà kính bằng cách liên kết, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho các hộ nông dân lân cận; đầu tư khu sơ chế, bảo quản phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn GlobalGAP nhằm đem lại sản phẩm chất lượng, an toàn hơn nữa và khẳng định thương hiệu Dâu tây Đà Lạt với người tiêu dùng trong cả nước. ■



Vườn Dâu Công nghệ cao GauBu Strawberry Đà Lạt.

Địa chỉ: Số 10 Lạc Quý, xã Xuân Thọ, Đà Lạt.

Điện thoại: 01648 482 525.

Facebook: gaubu strawberry.



DOANH NGHIỆP PHẢI TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA KHI XUẤT KHẨU SANG EU TỪ NĂM 2019

UYÊN HƯƠNG

Với việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đang tham gia nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA) mà trong đó yêu cầu đầu tiên là áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Đặc biệt từ năm 2019, doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU phải tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa mới được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP). Đây là yêu cầu bắt buộc của EU đối với một số nước, trong đó có Việt Nam.

Theo các chuyên gia thương mại, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đem lại nhiều lợi ích trong việc giảm thiểu thời gian, chi phí giao dịch, chủ động phát hành hóa đơn thương mại, giúp doanh nghiệp nắm bắt những cam kết về quy tắc xuất xứ trong các FTA...

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, theo cơ chế này, trách nhiệm chứng nhận nguồn gốc của hàng hóa sẽ chuyển từ các cơ quan chuyên trách sang doanh nghiệp (hoặc nhà xuất khẩu). Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp (hoặc nhà xuất khẩu) phải tự thực hiện các thủ tục, đáp ứng các tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác. Ngoài ra, các nhà xuất khẩu sẽ tự phát hành bằng chứng về xuất xứ, cụ thể là khai thông tin về xuất xứ trong các chứng từ thương mại (như hóa đơn) mà không có sự tham gia của các cơ quan quản lý trong quá trình phát hành.

Hệ thống này đã được sử dụng ở EU hơn 40 năm nay và cho thấy những ưu điểm như: đơn giản hóa quy trình thủ tục, cắt giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, giảm rủi ro cho các cơ quan cấp phép và gánh nặng cho hải quan.

Chính vì vậy, trong các FTA mà EU đã ký hoặc đang đàm phán đều yêu cầu phía đối tác áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, thậm chí EU còn đang xem xét áp dụng cơ chế này trong Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Thống kê của Bộ Công Thương cho thấy, cả nước hiện có 2.700 doanh nghiệp đang xuất khẩu sang EU được hưởng ưu đãi GSP. Vì vậy, việc doanh nghiệp bắt buộc phải tự chứng nhận xuất xứ khi xuất khẩu sang EU là cần thiết và



cấp bách. Thực tế hiện nay, nếu muốn xuất khẩu sang EU, doanh nghiệp vẫn phải xin C/O ở Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Bộ Công Thương. Nghĩa là, doanh nghiệp đã biết cách đáp ứng tiêu chí về xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi GSP. Do vậy, thay vì Bộ Công Thương hay VCCI cấp C/O thì doanh nghiệp sẽ tự cấp C/O cho chính mình bằng cách ghi lên chứng từ và hóa đơn là “sản phẩm này đạt tiêu chí để hưởng GSP”.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang tập trung xây dựng Thông tư hướng dẫn doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi xuất khẩu sang EU. Sau khi Thông tư được ban hành, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với VCCI, các Hiệp hội, ngành hàng có nhiều doanh nghiệp tổ chức tập huấn và hướng dẫn giúp doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ nhanh chóng, chính xác, không mất thời gian đi lại và chi phí như xin cấp C/O truyền thống. ■



DANH MỤC CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH CHUYỂN GIAO

(Theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao Công nghệ)

Công nghệ khuyến khích chuyển giao khác:	
1	Công nghệ chế tạo thiết bị quang điện tử hồng ngoại
2	Công nghệ chế tạo các thiết bị đo, cảm biến chính xác kỹ thuật số
3	Công nghệ chế tạo ăng ten mảng pha
4	Công nghệ mã hóa, xác thực, đo lường sinh trắc học, đo lường tâm lý học
5	Công nghệ nhận dạng giọng nói
6	Công nghệ ứng dụng mạng nơron trong xử lý các dạng tín hiệu
7	Công nghệ viễn thám, lidar, hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ các ngành, lĩnh vực
8	Công nghệ tính toán, xử lý song song ứng dụng trong ngân hàng
9	Công nghệ sản xuất màn hình đi-ốt phát quang hữu cơ (OLED, AMOLED), màn hình đi-ốt phát quang (LED) và các màn hình tương tác
10	Công nghệ sử dụng vật liệu biomass hiệu năng cao
11	Công nghệ sản xuất pin lithium-ion, pin nhiên liệu, tấm pin quang điện mặt trời, nguyên liệu điện cực
12	Công nghệ sản xuất điện sử dụng năng lượng mặt trời, gió, sinh khối, điện từ rác thải sinh hoạt, khí sinh học có quy mô công nghiệp
13	Công nghệ lưới điện thông minh (Smart grids)
14	Công nghệ tiên tiến trong lưu trữ năng lượng
15	Công nghệ sản xuất thiết bị sạc điện nhanh
16	Công nghệ sản xuất acid phosphoric (H_3PO_4) thế hệ MARK IV
17	Công nghệ sản xuất DAP - $(NH_4)_2HPO_4$ kết hợp giữa công nghệ phản ứng tiền trung hòa và công nghệ phản ứng ống
18	Công nghệ sản xuất methanol từ khí thiên nhiên, đặc biệt các nguồn khí thiên nhiên có hàm lượng tạp chất (CO_2 , N_2 ...) cao
19	Công nghệ tiên tiến sản xuất biodiezen từ thực vật
20	Công nghệ sản xuất H_2 sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (địa nhiệt, gió, quang năng, năng lượng mặt trời...)
21	Công nghệ tăng sản lượng khai thác dầu nhờ bơm các thành phần không có tính acid
22	Công nghệ tiên tiến làm sạch các tháp phản ứng trong dây chuyền chế biến dầu khí
23	Công nghệ ngăn ngừa và loại bỏ lắng đọng nhựa paraffin - asphalt ở các giếng Gaslift bằng phương pháp hóa lý trong khai thác dầu khí
24	Công nghệ nâng cao sản lượng khai thác dầu bằng dung môi chất xúc tác enzyme
25	Công nghệ xử lý vùng cận đáy giếng bằng hợp chất Chelate tự nhiên tổng hợp
26	Công nghệ đập giếng khi sửa chữa lớn giếng khoan trong điều kiện áp suất vỉa dị thường thấp
27	Công nghệ nâng cao chất lượng gia cố ống chống lừng khi xây dựng giếng khoan dầu khí
28	Công nghệ chẩn đoán bằng hình ảnh - thiết bị nội soi (bore scope) khi kiểm tra các động cơ, thiết bị quay cơ khí
29	Công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực phun phủ, xử lý bề mặt trong chế tạo máy, cơ khí
30	Công nghệ tuyển nổi và tự động hóa quá trình tuyển; tuyển trọng lực quặng hạt mịn; tuyển từ có từ trường siêu mạnh trong tuyển quặng kim loại màu
31	Công nghệ tuyển và làm giàu, quặng hiếm (Liti, đất hiếm); công nghệ tuyển và chế biến quặng đất hiếm
32	Công nghệ tuyển quặng apatit loại II, loại IV, quặng nghèo, quặng cromit có thu hồi Ni, Co, quặng sắt laterit vùng Tây Nguyên
33	Công nghệ khí hóa than ngầm (UCG - Underground Coal Gasification)
34	Công nghệ nấu luyện và tinh luyện kim loại, hợp kim từ quặng nghèo, quặng đa kim
35	Công nghệ thu hồi quặng sắt và sản xuất thép từ bùn đỏ
36	Công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong thu hồi kim loại quý từ các nguồn rác thải điện tử
37	Công nghệ sản xuất alumin phẩm cấp hóa chất (CGA)
38	Công nghệ nung tầng sôi tuần hoàn CFB và giảm áp, tách hơi tiên tiến trong sản xuất alumin



39	Công nghệ sản xuất các loại hợp kim ferro: Ferro Molipden (FeMo), Ferro Wonfram (FeW); các loại hợp kim ferro cacbon thấp, cực thấp
40	Công nghệ khai thác và tuyển quặng titan trong tầng cát đỏ
41	Công nghệ chế biến cát xây dựng từ đuôi thải tuyển titan trong tầng cát đỏ
42	Công nghệ khai thác lò chợ xiên chéo chống bằng giàn mềm tại các mỏ hầm lò
43	Công nghệ cơ giới hóa khâu than đồng bộ, chống giữ bằng giàn tự hành
44	Công nghệ cơ giới hóa khâu than bằng máy kết hợp chống giữ bằng giá khung hoặc giá xích
45	Công nghệ đào chống lò bằng vì neo
46	Công nghệ tự đồng hóa trong điều độ giám sát tập trung trong các mỏ (nhà máy) than
47	Công nghệ tự động hóa hầm bơm trung tâm mỏ than hầm lò
48	Công nghệ tuyển sâu các loại khoáng sản bauxite, sắt, đồng, titan
49	Công nghệ than sạch CCT (Clean Coal Technology)
50	Công nghệ tổng hợp và bán tổng hợp các sản phẩm hóa dược từ nguồn nguyên liệu động thực vật có sẵn trong nước
51	Công nghệ sản xuất xỉ titan bằng lò điện một chiều hai giai đoạn
52	Công nghệ sản xuất pigment titan bằng phương pháp clorua hóa
53	Công nghệ sản xuất titan xốp bằng phương pháp Kroll
54	Công nghệ luyện cốc không thu hồi sản phẩm phụ và đập cốc khô
55	Công nghệ thải khô bùn đỏ trong sản xuất alumin
56	Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng từ bùn đỏ trong sản xuất alumin
57	Công nghệ tiên tiến xử lý tro, xỉ, thạch cao phốt pho từ nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép, nhà máy phân bón, hóa chất làm vật liệu xây dựng
58	Công nghệ thuộc da thân thiện với môi trường
59	Công nghệ tự động hóa trong quá trình thuộc da, quá trình sản xuất nguyên phụ liệu và các sản phẩm da - giày
60	Công nghệ sản xuất và thi công bê tông nhựa ẩm
61	Công nghệ cào bóc, tái chế kết cấu áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng tại chỗ
62	Công nghệ BIM (Building Information Modeling)
63	Công nghệ chế tạo, sản xuất phương tiện giao thông chạy điện quy mô công nghiệp, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch
64	Công nghệ tiên tiến phục vụ kiểm tra, kiểm định các công trình cầu hầm, đê, đập; gia cố, sửa chữa vỏ hầm
65	Công nghệ tiên tiến phát hiện, cảnh báo sớm trượt lở đất
66	Công nghệ cảnh báo tự động về mức độ an toàn của các công trình đập
67	Công nghệ hiện đại quan trắc các công trình giao thông trong giai đoạn vận hành khai thác
68	Công nghệ chế tạo các chủng loại động cơ sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo có hiệu suất cao, thân thiện với môi trường
69	Công nghệ thiết kế, chế tạo tàu đa năng sử dụng đồng thời cho quốc phòng, an ninh và dân dụng
70	Công nghệ thiết kế, chế tạo, lắp ráp đầu máy - toa xe chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường

Còn tiếp

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 24 trang/số).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163.

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn



CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HỒNG MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “HỒNG ĐÀ LẠT”

Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định chỉ tiêu chất lượng đối với các sản phẩm Hồng mang nhãn hiệu chứng nhận "Hồng Đà Lạt" như sau:

1. Đối với sản phẩm trái Hồng tươi

Màu sắc

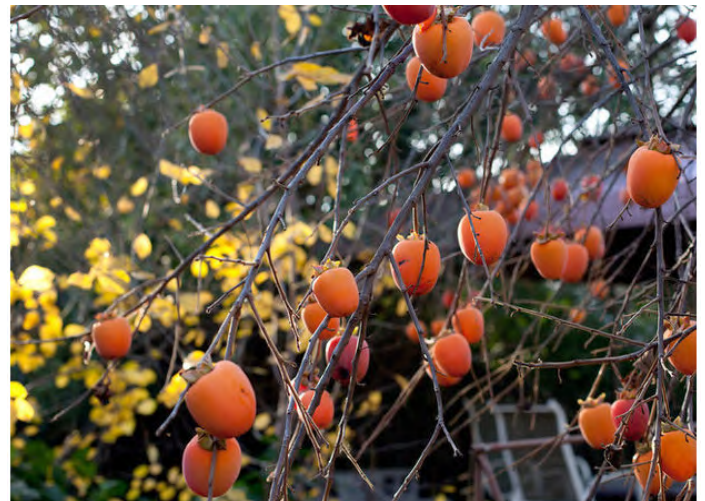
- Màu sắc quả: khi chín có màu vàng đặc trưng của hồng.
- Màu sắc của đài quả (phần phủ trên cuống quả): có màu xanh nhạt.

Mùi: có mùi thơm đặc trưng của hồng, không có mùi lạ.

Vị: vị ngọt đặc trưng của hồng.

Hình thái:

STT	Giống hồng	Dạng hình, màu sắc quả	Trọng lượng bình quân (g/trái)	Phẩm chất quả
1	Fuju	Quả dạng hơi dẹt, ruột màu vàng hơi đỏ, vỏ màu cam đỏ	225	Ruột chắc và mềm, có vị ngọt thanh, giòn, không chát
2	Tansung - Si	Quả dạng tròn, đỉnh đầu hơi nhọn; vỏ màu cam vàng, hơi chuyển sang màu gạch	200-250	Ruột chắc và mềm; quả không có hạt hoặc tối đa 2 hạt; khi chín có độ ngọt trung bình
3	China - Oblong	Quả dạng tròn với đỉnh dẹt, nhiều khía sâu chạy dọc theo chiều đứng của trái. Vỏ có màu cam tươi, ửng đỏ khi chín	230-350	Ruột chín tự nhiên rất dẻo, quả thường không có hạt hay hạt bị lép để lại những khoảng nếp bên trong thịt
4	China - Conical	Quả dạng hình nón (chén), vỏ màu cam vàng	200-250	Ruột chắc và dẻo; khi chín mềm; thường có 1-2 hạt
5	Việt Nam - Oblong	Quả có dạng hình trứng, đỉnh nhọn. Vỏ dày, màu cam xanh, khi chín màu vàng cam	100-120	Ruột chắc, chứa nhiều tanin; khi chín mềm, ngọt; nhiều hạt
6	Vuông ông Đồng	Quả hơi dẹt, có 4 cạnh, đầu quả bằng. Vỏ màu da cam hơi bóng, khi chín có màu cam lửa, màu trái được giữ rất lâu	150-200	Ruột chắc, chín mềm và ngọt; thường không hạt
7	Tám Hải	Quả có 4 khía, dạng dẹt, tròn dài, đỉnh dẹt	200-250	Ruột mềm, nhiều nước, ngọt; thường có 1-2 hạt



**2. Đối với sản phẩm trái Hồng sấy khô**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Áp dụng
Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu				
1	Độ ẩm, không lớn hơn	%	Tiêu chuẩn cơ sở	Áp dụng theo mức chất lượng đăng ký của cơ sở
2	Tro không tan trong acid, không lớn hơn	%	Tiêu chuẩn cơ sở	
3	Đường Sacharine	Định tính	(-)	
4	Đường Cyclamat	Định tính	(-)	
5	Phẩm màu	Định danh	Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT	
6	Hàm lượng đường tổng	%	Tiêu chuẩn cơ sở	
7	Độ chua	%	Tiêu chuẩn cơ sở	
8	Hàm lượng Cacbonhydrat	%	Tiêu chuẩn cơ sở	
Các chỉ tiêu vi sinh vật				
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí, không lớn hơn	CFU/g	10 ⁴	Áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
2	Coliform tổng số, không lớn hơn		10	
3	<i>Escherichia coli</i> , không lớn hơn	MPN/g	3	
4	<i>Staphylococcus aureus</i> , không lớn hơn	CFU/g	10	
5	<i>Clostridium perfringens</i> , không lớn hơn	CFU/g	10	
6	<i>Bacillus cereus</i> , không lớn hơn	CFU/g	10	
7	Tổng số bào tử nấm men/mốc, không lớn hơn	CFU/g	10 ²	
Hàm lượng kim loại nặng				
1	Chì (Pb), không lớn hơn	mg/kg	0,1	Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 8-2:2011/BYT
Dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật				Áp dụng theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT



MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DU LỊCH

Nguyên tắc phát triển du lịch

Phát triển du lịch bền vững, theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, khai thác lợi thế của từng địa phương và tăng cường liên kết vùng; bảo đảm chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; bảo đảm lợi ích quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch; phát triển đồng thời du lịch nội địa và quốc tế; tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với khách du lịch.

Điều kiện công nhận khu du lịch

Đối với cấp tỉnh

- Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa; có ranh giới xác định;
- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;
- Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia;
- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Đối với cấp quốc gia

- Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa; có ranh giới xác định;
- Thuộc danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;
- Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia;
- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều kiện công nhận điểm du lịch

- Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định;
- Có kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch;
- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành

Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng;
- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế tại ngân hàng;
- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế.

Điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch

- Có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Điều kiện hành nghề của hướng dẫn viên du lịch

Hướng dẫn viên chỉ được hành nghề khi đáp ứng cả 3 điều kiện sau:

- Có thẻ hướng dẫn viên du lịch;
- Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa;
- Có hợp đồng hướng dẫn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc văn bản phân công hướng dẫn theo chương trình du lịch. Đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm, phải có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu, điểm du lịch.

Năm 2018 với chủ đề **“Tiếp sức cho những thay đổi: Phụ nữ với hoạt động đổi mới và sáng tạo”** là cơ hội để nêu bật cách thức mà hệ thống sở hữu trí tuệ có thể hỗ trợ những phụ nữ có tố chất đổi mới và sáng tạo (và thực ra là tất cả mọi người) trong nỗ lực tìm kiếm nhằm đưa những ý tưởng mới lạ của họ ra thị trường.

Thông điệp của Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2018 nhấn nhủ: “Mỗi ngày, nhờ phụ nữ mà những sáng chế mới lạ và những sáng tạo nâng cao chất lượng cuộc sống đã xuất hiện làm biến đổi cuộc sống của chúng ta và nâng cao tầm hiểu biết của con người trong các lĩnh vực từ vật lý thiên văn đến công nghệ nano, từ y học đến trí tuệ nhân tạo và công nghệ robot.

Và trong lĩnh vực sáng tạo, dù trong ngành điện ảnh, phim hoạt hình, âm nhạc, thời trang, thiết kế, điêu khắc, khiêu vũ, văn học, nghệ thuật hay các lĩnh vực khác, phụ nữ đang tái hiện văn hóa, thách thức các giới hạn của nghệ thuật và hình thức biểu hiện sáng tạo, đưa chúng ta vào thế giới của những trải nghiệm và hiểu biết mới.

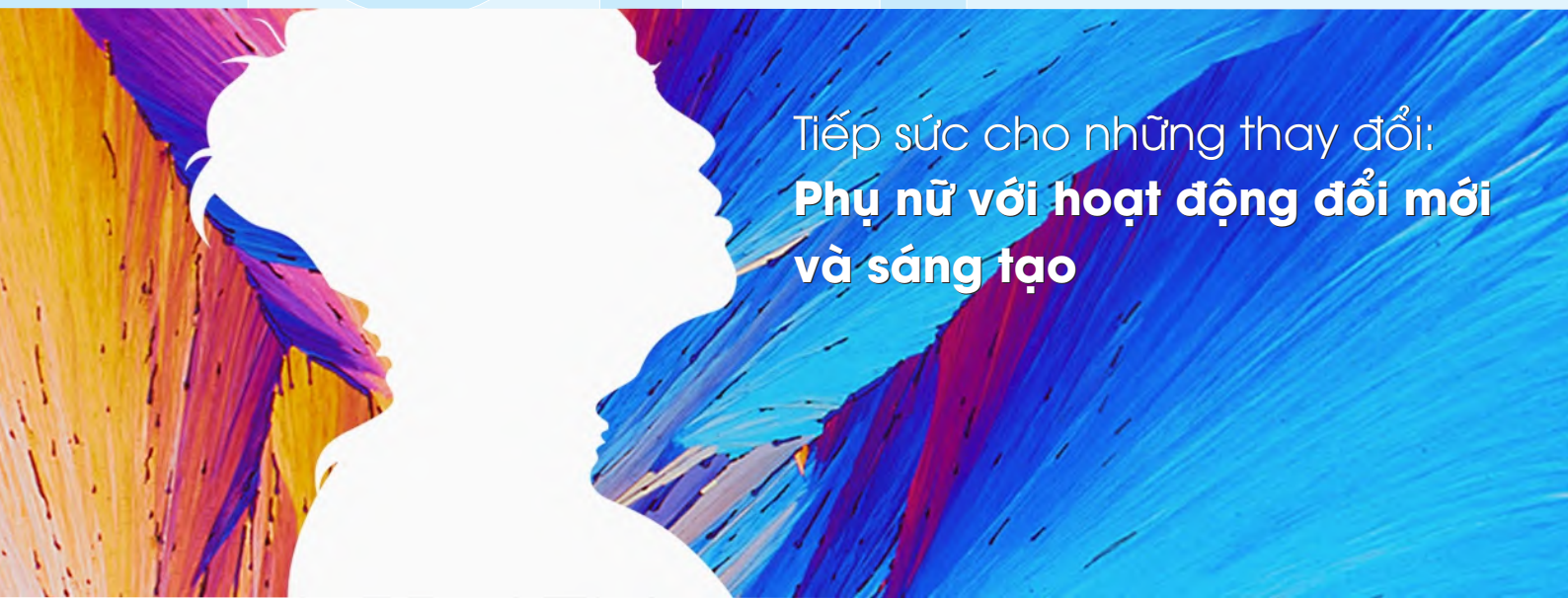
Những đóng góp đầy cảm hứng và quan trọng của vô số phụ nữ trên khắp thế giới đang tạo ra thay đổi trong thế giới của chúng ta. Thái độ "có thể làm được" của phụ nữ là nguồn cảm hứng cho tất cả chúng ta. Và những thành tựu đáng ghi nhận của họ là di sản vô giá cho các em gái hôm nay đến với khát vọng trở thành các nhà sáng chế và chủ thể sáng tạo trong tương lai.

Hơn bao giờ hết, người phụ nữ đang đảm nhận vai trò lãnh đạo và có tiếng nói quyết định trong giới khoa học, công nghệ, kinh doanh và nghệ thuật. Đây là thông tin tốt đẹp. Với sự chung tay của phụ nữ và nam giới, chúng ta sẽ củng cố tiềm năng của nhân loại và nâng cao năng lực của chúng ta để làm phong phú nền văn hóa chung và tạo ra các giải pháp hiệu quả để xóa đói, giảm nghèo, nâng cao sức khỏe toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Đã đến lúc chúng ta cùng suy ngẫm làm sao để càng ngày càng có nhiều phụ nữ và các em gái trên khắp thế giới tham gia vào hoạt động đổi mới và sáng tạo, cũng như tại sao điều đó lại quan trọng như vậy”.

26.4

Ngày Sở hữu Trí tuệ Thế giới 2018 26 Tháng Tư



Tiếp sức cho những thay đổi:
**Phụ nữ với hoạt động đổi mới
và sáng tạo**